

Bản án số: 33/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 24-9-2018.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU – NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đóa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Tùng

2. Bà Vũ Thị Thịnh.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Hồ Diên Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngân- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018, tại hội trường Tòa án huyện Quỳnh Lưu, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 225/2018/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Ngọc Đ, sinh năm 1965. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn TT, xã Th T, thị xã H Th, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. *Bị đơn:* Chị Hồ Thị T, sinh năm 1981. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm 3, xã Q Th, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Ngọc Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Hồ Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q Th, huyện QL, tỉnh Nghệ An vào ngày 23/01/2008. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc, đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng sống với nhau không hợp, chị T không muốn theo chồng về Huế để sinh sống. Từ đó tình cảm giữa hai vợ chồng càng ngày càng phai nhạt dần nên cả hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay. Sau khi sống ly thân hai vợ chồng không còn liên lạc, hỏi han, quan tâm tới nhau nữa. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết để anh được ly hôn với vợ là chị Hồ Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung với nhau, con đầu tên là Trần Ngọc An Th, sinh ngày 06/02/2009, con thứ hai tên là Trần Ngọc Bá Đ, sinh ngày 20/9/2013. Hiện nay cả hai con đang sinh sống với mẹ là Hồ Thị T tại xóm 3, xã Q Th, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Nguyên vọng của anh là giao cả hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Về quan hệ tài sản: Anh Trần Ngọc Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn chị Hồ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Hồ Thị T thống nhất về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn như anh Đ trình bày ở trên là đúng. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến đầu năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh Đ bỏ nhà đi không về thăm vợ con. Theo chị được biết thì hiện nay anh Đ đã có người phụ nữ khác nên anh không còn mặn mà với vợ, không quan tâm đến các con nữa, hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh Đ làm đơn ra Tòa án xin ly hôn với chị thì chị cũng đồng ý.

Về con chung: Chị T thống nhất về họ tên ngày tháng năm sinh của các con chung như anh Đ trình bày ở trên là đúng. Ly hôn chị xin được nuôi cả 02 con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) và buộc anh Đ phải nộp trước cho chị một khoản tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Về quan hệ tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng; Nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Ngọc Đ và chị Hồ Thị T.

Về quan hệ con chung:

Giao con chung là Trần Ngọc An Th, sinh ngày 06/02/2009 và Trần Ngọc Bá Đ, sinh ngày 20/9/2013 cho chị Hồ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Trần Ngọc Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả hai con mỗi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 9 năm 2018 cho đến khi các con đủ 18 tuổi (trưởng thành).

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về quan hệ tài sản: Anh Trần Ngọc Đ và chị Hồ Thị T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Anh Trần Ngọc Đ phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hôn nhân: Anh Trần Ngọc Đ và chị Hồ Thị T kết hôn với nhau vào ngày 23/01/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q Th trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống chung vợ chồng anh Trần Ngọc Đ và chị Hồ Thị T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo anh Đ là do hai vợ chồng sống không hợp nhau, chị T không muốn theo anh về Huế để sinh sống. Theo chị T thì anh Đ hiện nay đã có người phụ nữ khác, bỏ nhà đi không còn quan tâm đến chị và các con nữa. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Đ và chị T đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh Đ xin ly hôn và chị T cũng đồng ý ly hôn nên căn cứ vào điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận cho anh Trần Ngọc Đ và chị Hồ Thị T được ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Trần Ngọc Đ và chị Hồ Thị T có 02 người con chung, con đầu tên là Trần Ngọc An Th, sinh ngày 06/02/2009, con thứ hai tên là Trần Ngọc Bá Đ, sinh ngày 20/9/2013. Hiện nay cả hai con đang sinh sống với chị Hồ Thị T tại xóm 3, xã Q Th, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Ly hôn anh Trần Ngọc Đ và chị Hồ Thị T thỏa thuận giao cả hai con cho chị T nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục và anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), chị T cũng đồng ý mức cấp dưỡng trên. Cháu Trần Ngọc An Th cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Tuy nhiên chị Hồ Thị T buộc anh Trần Ngọc Đ phải nộp trước cho chị một khoản tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) nhưng anh Đ không đồng ý. Anh Đ cho rằng hiện nay anh đang gặp khó khăn, chỉ có thể cấp dưỡng hàng tháng cho con còn cấp dưỡng trước và nộp cho chị T một lúc 50.000.000 đồng như yêu cầu của chị T anh không đáp ứng được. Căn cứ vào Điều 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, về phương thức cấp dưỡng có thể được thực hiện định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần. Tuy nhiên giữa anh Đ và chị T không thỏa thuận được về phương thức cấp dưỡng nuôi con vì hiện tại anh đang gặp khó khăn về kinh tế, do vậy cần buộc anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T hàng tháng. Mức cấp dưỡng nuôi con mỗi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi (Trưởng thành).

[3]. Về quan hệ tài sản: Anh Trần Ngọc Đ và chị Hồ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4]. Về án phí: Anh Trần Ngọc Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81,82,83, 116,117,119 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Ngọc Đ và chị Hồ Thị T.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Trần Ngọc An Th, sinh ngày 06/02/2009 và Trần Ngọc Bá Đ, sinh ngày 20/9/2013 cho chị Hồ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục.

2.2. Anh Trần Ngọc Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Trần Ngọc An Th và Trần Ngọc Bá Đ mỗi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 9 năm 2018 cho đến khi cháu Th và cháu Đ đủ 18 tuổi (Trưởng thành).

2.3. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Anh Trần Ngọc Đ và chị Hồ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Anh Trần Ngọc Đ phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu theo biên lai thu tiền số 0001788 ngày 24/8/2018.

Buộc anh Trần Ngọc Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKS ND huyện Q.Lưu;
- THADS Quỳnh Lưu;
- Các đương sự;
- UBND xã Quỳnh Thạch;
- Lưu VP, HS.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Thị Đóa